

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-PT.

Ngày 03/5/2019.

V/v : “Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 03/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLPT- HNGĐ ngày
28/01/2019 về việc: “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ - ST ngày
27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2019/QĐ-PT ngày
04/3/2019, các quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019,
số 25/2019/QĐ-PT ngày 08/4/2019, số 29/2019/QĐ-PT ngày 22/4/2019 giữa
các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Diêm Thị N - SN 1974 (Có mặt).

***Bị đơn :** Anh Đình Huy T - SN 1975 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú : Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông
Dương Minh K, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà
nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

*** Người kháng cáo:** nguyên đơn chị Diêm Thị N (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị
Diêm Thị N trình bày: Chị N và anh T chung sống từ năm 1997 nhưng không
đăng ký kết hôn . Thời gian chung sống với nhau có 04 con chung là Đình Thị

Ngọc L - SN 1998, Đinh Thị Tú P- Sinh ngày 16/ 3/ 2003, Đinh Thị Mai A- Sinh ngày 21/ 8/ 2004 và Đinh Đại D- Sinh ngày 24/ 11/ 2013. Năm 2017, anh T và chị N ly hôn. Tại bản án số 49/ 2017/ HNGĐ- PT ngày 28/ 11/ 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định không công nhận anh T và chị N là vợ chồng; giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Đinh Thị Tú P và Đinh Thị Mai A, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng Đinh Đại D. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Thị Mai A là 600.000 đồng / tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến nay anh T không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con chung, do vậy chị N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Đại D và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 600.000 đồng / tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi(Tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con) , giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng Đinh Thị Mai A do cháu A đã lớn tự chăm sóc được bản thân và có nguyện vọng được sinh sống cùng anh T. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D do cháu D còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, mặc dù hiện nay anh T , chị N và các con chung đang sinh sống cùng nhà nhưng anh T không chăm sóc cháu D, không cấp dưỡng nuôi con đồng nào, đồng thời có hành vi ngăn cản chị N chăm sóc cháu D. Tuy nhiên hiện nay chị N vẫn là người thường xuyên đưa đón cháu D đi học .Chị N hiện làm ruộng, ngoài ra còn buôn bán hoa quả, cá giống, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng / tháng.

*Bị đơn là anh Đinh Huy T tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Tại bản án số 49/ 2017/ HNGĐ- PT ngày 28/ 11/ 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Đinh Thị Tú P và Đinh Thị Mai A, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng Đinh Đại D; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Thị Mai A là 600.000 đồng / tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến nay anh T vẫn thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cháu D chu đáo, đưa đón cháu D đi học, đóng các khoản tiền ăn học của cháu D đầy đủ. Một số lần do chị N cũng đưa đón cháu D đi học nên anh T để chị N chăm sóc cháu D do không muốn mâu thuẫn với chị N và ảnh hưởng tới cháu D cũng như các con chung khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con đối với Đinh Thị Mai A, do hiện nay vấn đề tài sản chung của anh T và chị N chưa được giải quyết xong ở vụ án khác, khi nào quyết định về tài sản có hiệu lực thì anh T sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Do vậy chị N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con như trên thì anh T không đồng ý.

Hiện nay anh T đang làm ruộng và cá giống, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng / tháng.

*Tại biên bản ngày 13/ 7/ 2018 và tại phiên tòa cháu Đinh Thị Mai A trình bày có nguyện vọng được sinh sống cùng anh T để cháu D được sinh sống với chị N.

*Tại đơn xin xác nhận ngày 30/ 10/ 2018, trường mầm non xã H, huyện H xác nhận anh T có đóng học phí và tiền ăn 02 tháng cho cháu Đinh Đại D

tổng cộng 2.000.000 đồng, xác nhận chị N đóng tiền ăn tháng 10/ 2018 cho cháu D.

*Ngày 12/ 11/ 2018, Ban quản lý thôn T, xã H xác nhận cháu D phát triển bình thường, khỏe mạnh, học tập đầy đủ và có tình cảm tốt với anh T.

*Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ - ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng các điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điểm a, khoản 1, điều 85- Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147, điều 271 và điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Diễm Thị N.

Về con chung: Chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Đinh Thị Tú P- Sinh ngày 16/ 3/ 2003 và Đinh Thị Mai A- Sinh ngày 21/ 8/ 2004; anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Đại D - Sinh ngày 24/ 11/ 2013. Chị N và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo điều 84- Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con D.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/12/2018 nguyên đơn là chị Diễm Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ - ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của chị, giao cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đinh Đại D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết mà không xem xét đến nguyện vọng của cháu Đinh Thị Mai A là không đảm bảo quyền lợi của đương sự và con chung. Anh T được giao nuôi con chung nhưng không chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ như không đưa đón con đi học, không đóng tiền học cho con, tiền ăn của con cho nhà Nhà trường. Anh T còn đánh cháu Đinh Thị Ngọc L phải đi viện nên không có tình cảm với con cái. Cháu Đinh Thị Mai A có nguyện vọng muốn được ở với bố để đỡ đàn công việc cho bố, để em trai còn nhỏ mẹ chăm sóc tốt hơn. Chi hội phụ nữ thôn, hàng xóm đều có quan điểm đề nghị giao con chung là Đinh Đại D cho chị N

nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị N.

Chị N trình bày: Nhất trí nội dung luật sư nêu. Thời gian vừa qua tôi trực tiếp đóng tiền học phí, tiền ăn cho cháu D tại Trường mầm non xã H, cụ thể: Từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2019 tôi đóng tiền ăn hàng tháng; đóng tiền học phí năm học 2018-2019 là 912.000 đồng; Ngoài ra năm 2018 tôi còn đưa cháu đi tiêm phòng vắc xin viêm gan B. Anh T không có tách nhiệm gì. Cháu D còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ sẽ tốt hơn. Anh T hay đi sớm về muộn, hay đánh con nên tâm lý cháu D rất sợ hãi không theo bố; anh T hiện cũng không làm ăn gì, xe máy còn cầm cố nên không đảm bảo khả năng kinh tế để nuôi con.

Anh T trình bày: Tôi không đồng ý kháng cáo của chị N. Cháu D đi học cách nhà khoảng 500 mét, lúc thì cô N đưa đón, lúc thì tôi đưa đón, trước khi hết giờ học tôi đều điện thoại hỏi cô giáo có ai đến đón cháu chưa. Vì chúng tôi vẫn sống chung một nhà nên tôi cũng để cho cô ấy đưa đón con chung mà không tranh chấp căng thẳng. Việc tôi đánh cháu L là do cháu hư, cháu có hành động đánh tôi trước nên tôi mới lôi cháu ra ngoài đánh để mục đích dạy dỗ cháu. Về tiền ăn học của cháu D vẫn do tôi đóng, tôi không yêu cầu chị N đóng mà tự ý chị đi đóng. Khi đến kỳ đóng tiền tháng 3/2019 tôi có bảo cô giáo cho tôi nộp chậm vài hôm nhưng chị N đã tự đóng 912.000 đồng học phí và 260.000 đồng tiền ăn. Cháu D ở với tôi vẫn phát triển bình thường, ổn định. Các hoạt động ủng hộ nhà trường tôi vẫn tham gia đóng góp. Tôi đã tách sổ hộ khẩu hai bố con riêng, ổn định nên không muốn thay đổi nữa. Chị N không đủ tư cách nuôi cháu D vì đưa đón cháu đi học mà không cho ăn sáng để cháu kêu đói, cô giáo phải gọi điện cho tôi phản ánh. Nhiều lúc tôi và cháu D đi ăn sáng, đồ ăn gọi ra rồi nhưng chị N đi đến bắt cháu đi không cho cháu ăn. Nếu việc phân chia tài sản xong con nào muốn ở với tôi thì tôi cũng sẽ chấp nhận, không phản đối. Cháu Mai A đã lớn, cháu tự lo cho bản thân được, cháu D còn nhỏ cần có bố chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1, Điều 308- BLTTDS giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung. Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật do là hộ nghèo. Ngoài ra cấp sơ thẩm tuyên cháu D sinh năm 2003 là có sự nhầm lẫn, cần rút kinh nghiệm. Việc tuyên anh T không phải

cấp dưỡng nuôi con D là không phù hợp, không cần thiết, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, được nộp cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Quá trình xét xử phúc thẩm Tòa án có triệu tập một số người tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có quan điểm trình bày trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Diễm Thị N và anh Đình Huy T là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; các đương sự có liên quan đều cư trú tại địa bàn huyện H nên TAND huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39- BLTTDS năm 2015.

[4]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thể hiện: chị Diễm Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” là đúng quy định tại **khoản ..**, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy: Sau khi ly hôn cháu Đình Đại D được giao cho anh Đình Huy T nuôi dưỡng. Từ đó đến nay cháu D phát triển ổn định, bình thường được anh T tạo điều kiện chăm sóc, ăn học đầy đủ. Chị N có đóng tiền học phí, tiền ăn cho cháu D nhưng là do cô giáo yêu cầu khi anh T chưa đóng, không phải do anh T không đóng được và có yêu cầu chị N đóng tiền thay. Cháu Đình Thị Mai A có nguyện vọng muốn ở với anh T để giúp đỡ bố trong cuộc sống nhưng anh T không đồng ý nuôi cháu Mai A. HĐXX thấy anh T, chị N vẫn đang ở chung một nhà nên việc quan tâm, chăm sóc, nuôi dạy các con chung, đặc biệt là cháu D còn nhỏ tuổi là trách nhiệm chung của anh T, chị N theo quy định tại khoản 3, Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị N đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi

con chị nuôi cháu Đinh Đại D, anh T nuôi cháu Đinh Thị Mai A không làm thay đổi quyền lợi mọi mặt của con chung. Mặt khác chị N lại thuộc hộ nghèo tại địa phương. Tại quá trình xét xử phúc thẩm nguyên đơn là chị N cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh anh T không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Đại D. Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và quan điểm của luật sư nêu tại phiên tòa. Cần áp dụng khoản 1, Điều 308- BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[6]. Về chi phí tố tụng: do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên do chị Diêm Thị N là hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án cần miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho chị Diêm Thị N.

Về xác định sai năm sinh cháu Đinh Đại D, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản đính chính nội dung này nên không cần thiết phải sửa án, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung cấp sơ thẩm tuyên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con D là không cần thiết như nhận xét của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nội dung trên, cần áp dụng khoản 2, Điều 308; Điều 309- BLTTDS, sửa một phần bản án sơ thẩm về giải quyết án phí sơ thẩm của vụ án.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; điểm a, khoản 1, Điều 85- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của chị Diêm Thị N về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Sửa bản án sơ thẩm số : 58/2018/HNGĐ - ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về án phí sơ thẩm.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Diêm Thị N.

Về con chung: Chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Đinh Thị Tú P- Sinh ngày 16/3/2003 và Đinh Thị Mai A- Sinh ngày 21/8/ 2004; anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Đại D - Sinh ngày 24/11/2013.

Chị N và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo điều 84- Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho chị Diễm Thị N. Hoàn trả chị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/ 0001243 ngày 13 tháng 7 năm 2018 và số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng số: A A/2017/0001002 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự; Luật sư;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng